TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**59**/2022/HS-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Ông Nguyễn Quang Vũ
Thẩm phán:	Ông Tạ Văn Thành
Các Hội Thẩm nhân dân:	Bà Nguyễn Thùy Linh
	Bà Đoàn Thị Ngọc Mai
	Ông Nguyễn Ngọc Thắng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa*: Bà Đào Thúy Chinh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đưa ra xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2022/TLST-HS ngày 26/8/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2022/QĐXXST-HS ngày 09/9/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Thu T** - sinh ngày 21/8/1994;Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: V; Nơi đăng kí hộ khẩu tH trú: Khu 3, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ;Nơi ở trước khi bị bắt: Khu C, xã C, huyện Y, tỉnh V; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo;Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Bùi Văn B - sinh năm 1970; Mẹ đẻ: Đặng Thị T - sinh năm 1976; Bố, mẹ hiện ở xã C, huyện Y, tỉnh V; Chồng: Trương Tiến M - sinh năm 1991, Bộ đội ở Yên Bái;Con: Trương Tú Q - sinh năm 2019, hiện ở xã C, huyện Y, tỉnh V;Anh, chị, em ruột: Gia đình có 3 chị em, bị can là con thứ nhất;Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị bắt tạm giam từ ngày 18/3/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Chu Văn Q- Luật sư Công ty luật hợp danh Hùng Vương – Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ (có mặt).

*Bị hại: Chị Nguyễn Thị L - sinh năm 1991, ở khu 2, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan;

1/ Ông Bùi Văn B - sinh năm 1970, ở khu 4, xã C, huyện Y, tỉnh V(có mặt).

2/ Chị Tạ Thị Thanh H - sinh năm 1985, ở khu T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

3/ Anh Nguyễn Xuân P - sinh năm 1989, ở khu 2, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

4/ Chị Lê Thị H – sinh năm 1992,ở khu phố, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng đầu tháng 7/2021, Bùi Thu T - sinh năm 1994, hộ khẩu ở khu 3, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ, tH đến cửa hàng kinh doanh tạp hóa và cũng là điểm cung cấp dịch vụ của Viettel gồm: bán thẻ điện thoại, thanh toán cước viễn thông, dịch vụ chuyển tiền, thu hộ khi khách có nhu cầu của chị Nguyễn Thị L - sinh năm 1991 ở khu 2, xã B, huyện T. Từ ngày 29/7/2021, T nói chuyện với L về việc dự định cùng với chồng và bố đẻ đầu tư mua đất tại V. T còn nói vay tiền của người nhà và khi lấy tiền mặt sẽ đưa cho L để nhờ chuyển khoản tiền cho bố đẻ của T là ông Bùi Văn B - sinh năm 1970, ở xã C, huyện Y, tỉnh V để mua đất. T và L là chị em dâu bên chồng L. Theo quy định của Viettel thì khi khách hàng mang tiền mặt đến đề nghị chuyển khoản vào tài khoản nào đó, sẽ yêu cầu quản lý điểm bán chuyển tiền vào tài khoản của mình bằng với khách giao cho và chuyển tiền vào tài khoản theo yêu cầu của khách, sẽ được hưởng phí chuyển tiền theo % số tiền chuyển. L đồng ý và nói với T cứ mang tiền đến thì L sẽ chuyển hộ và không tính phí. Sáng ngày 30/7/2021, T nhắn qua zalo cho L hỏi L có ở cửa hàng không để mang tiền ra nhờ L nộp vào tài khoản hộ T. L đồng ý và đợi đến trưa cùng ngày thì T nhắn lại cho L là bận nên đã nhờ chồng (là bộ đội) được nghỉ nên đi nộp hộ vào tài khoản để chuyển cho bố đẻ rồi và T không đến nhờ L nữa. Sau đó, T chụp và gửi hình ảnh chụp số dư tài khoản của T có 811.381.655 đồng cho L xem.

Đến ngày 31/7/2021, T đến nhà L và nói đã cùng với bố đẻ đã tìm được đất, đang cần tiền gấp để mua, sau khi mua sẽ bán lại ngay để kiếm lời. Đồng thời, T nói đã chuyển khoản tiền cho bố T tại Ngân hàng Agribank nhưng không hiểu sao bố T đi rút lại không có, T đã chuyển tiền 3 lần nhưng bị treo nên chưa rút được. T nhờ chị L ứng tiền của Viettel chuyển trước vào tài khoản của T 800.000.000 đồng để bố T đặt cọc mua đất. T nói bố đẻ đã vay được tiền của cháu ruột, khi về đến nhà thì ông sẽ chuyển lại tiền cho L vì ông không biết chuyển tiền. T hẹn L 20 giờ cùng ngày sẽ trả đủ tiền và sẽ ở lại nhà L cho đến lúc trả tiền xong mới về vì đây là số tiền lớn. Chị L tin tưởng và đã gọi điện thoại bảo chị Tạ Thị Thanh H - sinh năm 1985, ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, là chủ điểm bán của Viettel ở T để nhờ chị H chuyển tiền đến tài khoản của Bùi Thu T số tiền 800.000.000 đồng. Chị H không có đủ tiền nên chỉ đồng ý chuyển 500.000.000 đồng. Chị L đồng ý. Chị H đã chuyển vào tài khoản của T mở tại Ngân hàng Techcombank, 3 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng, tổng là 150.000.000 đồng. Sau đó, chị H nghĩ lại và gọi điện thoại cho chị L bảo đã cầm tiền mặt chưa và bảo sẽ chuyển tiền vào tài khoản của L vì không biết Bùi Thu T là ai. Sau đó, chị H chuyển khoản vào tài khoản của L số tiền 350.000.000 đồng. Chị L nhờ chị Lê Thị H - sinh năm 1992, ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, là quản lý trực tiếp điểm bán của chị L tại Viettel T chuyển số tiền 150.000.000

đồng. Chị L có 150.000.000 đồng. Sau khi có tiền trong tài khoản, chị L đã chuyển khoản cho T làm 7 lần tổng số là 650.000.000 đồng, trong đó 6 lần đầu mỗi lần chuyển 50.000.000 đồng và lần cuối chuyển 350.000.000 đồng. Trong quá trình T nhận được tiền chuyển khoản thì T cũng chuyển toàn bộ số tiền nhận được vào các tài khoản của Lê Thị Kim L mở tại ngân hàng Techcombank làm 2 lần là 300.000.000 đồng, và 150.000.000 đồng, tổng là 450.000.000 đồng; số tiền còn lại T chuyển khoản vào tài khoản của Võ Thị Thủy Y mở tại ngân hàng Techcombank. Đến tối cùng ngày thì T nói có việc nên đã đi về. Chị L đòi tiền nhiều lần nên tính đến ngày 2/8/2021 T đã trả được 140.000.000 đồng, còn lại 660.000.000 đồng không trả.

Ngày 15/8/2021, chị Nguyễn Thị L có đơn trình báo đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ xử lý Bùi Thu T.

Sau khi Bùi Thu T không trả tiền thì chị L nói chuyện với chồng mình là anh Nguyễn Xuân P - sinh năm 1989, ở khu 2, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh P đã nhắn tin, gọi điện thoại đòi tiền T nhiều lần và đã ghi âm cuộc gọi với T.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu giám định giọng nói đối với đoạn hội thoại giữa anh Nguyễn Xuân P và Bùi Thu T, thể hiện nội dung anh P nói với T về việc chị L chuyển tiền cho T để cùng với bố đẻ của T mua đất.

Tại Kết luận giám định số 797/KL-C09-P6, ngày 26/1/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Tiếng nói của người phụ nữ xưng là "em" và được gọi là "T" hay "mày" trong các file ghi âm mẫu cần giám định và tiến nói của Bùi Thu T trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Quá trình điều tra đã xác định số dư tài khoản ngân hàng của T ngày 30/7/2021 có lúc có 811.381.655 đồng. Tuy nhiên, T đã chuyển khoản hết, không có số tài khoản nào của bố đẻ T, đến trước khi chị L chuyển khoản cho T thì số dư tài khoản chỉ có 9.109.655 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Bùi Thu T khai nhận là bản thân có kinh doanh dự án trên mạng "Crazy Money" với người phụ nữ tên Oanh, có tài khoản zalo là "Miss Oanh". T chỉ biết tên của Oanh, ngoài ra không biết địa chỉ cụ thể, chưa gặp mặt Oanh lần nào. T đã chuyển tiền để đầu tư cho Oanh nhiều lần. Đến khoảng cuối tháng 7/2021, T được Oanh mời cP đầu tư số tiền lớn hơn các lần trước để được hưởng % cao nhất. Oanh cho T 2 tài khoản của Võ Thị Thủy Y và Lê Thị Kim L để T chuyển tiền. Ngay sau khi T nhận được tiền của chị L thì T chuyển toàn bộ tiền đến hai tài khoản của Oanh cung cấp. Khi chuyển tiền xong T không truy cập được đường link và không L lạc được với Oanh.

Cáo trạng số 33/CT-VKSPT-P2 ngày 25/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáoBùi Thu T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên".

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi như bản Cáo trạng đã nêu, thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Tuy nhiên bị cáo cho rằng số tiền bị cáo vay để đầu tư bị chiếm đoạt nên không có khả năng trả nợ chứ bản thân không có ý thức chiếm đoạt tiền của chị L.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 BLHS.

Xử phạt: Bùi Thu T 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa nhất trí với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị được giảm nhẹ hơn mức hình phạt đề nghị.

Người bị hại tại phiên tòa thừa nhận đã nhận đủ số tiền 800.000.000 đồng,không yêu cầu tính lãi trong thời gian bị chiếm đoạt tiền và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I]. Về thủ tục tố tụng; Vụ án xét xử bị cáo Bùi Thu T đủ điều kiện đưa ra xét xử trực tuyến theo quy định tại Nghị quyết số: 33/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về tổ chức phiên tòa trực tuyến và Quyết định số: 512/QĐ-TANDTC ngày 19/11/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số: 33/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ quyết định đưa vụ án ra xét xử trực tuyến.

[II]. Phân tích chứng cứ:

Ngày 31/7/2021, Bùi Thu T đã dùng thủ đoạn là mình đang cần tiền gấp để chuyển cho bố đẻ tiền để đặt cọc mua đất nên đã nói với chị Nguyễn Thị L làm dịch vụ chuyển tiền của Viettel chuyển cho mình số tiền 800.000.000 đồng, hẹn đến 20 giờ cùng ngày sẽ trả đủ cho chị L. T còn nói với L vì đây là số tiền lớn nên T sẽ ở lại nhà chị L ở khu 2, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ cho đến khi T trả được tiền. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền của chị L thì T không sử dụng đúng mục đích như đã nói và không trả được tiền cho chị L. Đến ngày 02/8/2021, chị L đòi tiền nhiều lần thì T trả được số tiền 140.000.000 đồng, còn lại 660.000.000 đồng T không trả được. Do vậy, Bùi Thu T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 660.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị L.

Hành vi của các bị cáo thể hiện tại biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung,biên bản đối chất, lời khai của người làm chứng, người L quan, biên bản thu giữ vật chứng…và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng

định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tốbị cáo là đúng pháp luật.

Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọngvì động cơ cá nhân bị cáo bất chấp quy định của pháp luật để thực hiện tội phạm. Mặc dù thiệt hại của vụ án đã được khắc phục nhưng với tính chất nguy hiểm của hành vi bị cáo thực hiện cần có mức án nghiêm khắc.

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai có nhận tiền của chị L và có kinh doanh, tiền chị L chuyển cho bị cáo vay. Do bị người khác lừa nên không có tiền trả. Hội đồng xét xử cho rằng đây là nhận thức của bị cáo. Các nội dung khác bị cáo đều thành khẩn khai báo, tại phiên tòa thể hiện thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên được giảm nhẹ theođiểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo và gia đình đã tích cực bồi thường và đã bồi thường xong toàn bộ số tiền chiếm đoạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chồng của bị cáo được tặng thưởng huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba. Ngoài ra bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ khác tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để giảm nhẹ dưới khung hình phạt thấp nhất cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa thể hiện quan điểm nhân đạo nên được xem xét.

Bị cáo không có tài sản gì riêng có giá trị ngoài những đồ dùng sinh hoạt thiết yếu nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Cơ quan điều tra đã xác minh đối với chị Võ Thị Thủy Y, sinh năm 1993, địa chỉ: 150/10/20 DT7-l-l, ấp 3, xã Đông Thành, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh là người đứng tên chủ tài khoản số 19036707635016. Chị Y đứng tên mở tài khoản số 19036707635016 tại ngân hàng Techcombank từ khoảng tháng 3/2021, đến tháng 7/2021 đã bị rơi mất thẻ ATM và điện thoại có dán mật khẩu giao dịch kèm theo điện thoại. Chị Y không biết ai gửi tiền, không sử dụng tiền và không quen T nên không có căn cứ xử lý Y là đúng pháp luật.

Đối với chị Lê Thị Kim L - sinh năm 1978, địa chỉ: 5/4A Nguyễn Huỳnh Đức, P8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang là người đứng tên chủ tài khoản số 19037072372011, chị L không cho ai mượn chứng minh thư nhân dân. chị bị mất túi sách trong đó có điện thoại, thẻ ATM chưa sử dụng, chị không L quan đến số tiền mà T chuyển, không biết T là ai nên không có căn cứ xử lý đối với L là đúng pháp luật.

[II] Trách nhiệm dân sự:

Ngày 31/3/2022 bố mẹ bị cáo Bùi Thu T đã bồi thường thay và trảsố tiền 660.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị L, chị L nhận đủ, nên cần xác nhận việc bồi thường xong.

[III] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện là hợp pháp.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[I] Về hình phạt chính:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bùi Thu T **08** (tám năm) nămtù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 18/3/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành

[II]Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

Căn cứ vào:Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Xác nhận chịNguyễn Thị L đã nhận đủ số tiền thiệt hại. Xác nhận bị cáo đã bồi tH xong.

[III]Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[IV] Bị cáo, bị hạicó mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần quyền lợi liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần quyền lợi liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- CQCSĐTCông an tỉnh Phú Thọ;
- THAHS, DS, STP tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;Bị hại; Người có QLNVLQ
- UBND các xã, phường liên quan;
- Lưu: án văn, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Vũ